

CÔNG TY CỔ PHẦN 397

BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ

Tên gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng khoan vụ sản xuất năm 2023

Gói thầu số: 10

Kế hoạch: Mua vật tư, phụ tùng khoan phục vụ sản xuất năm 2023

Phát hành ngày: 02/3/2023

Ban hành kèm theo Quyết định: 384/QĐ-CT397 ngày 02/3/2023

BÊN MỜI THẦU

GIÁM ĐỐC



Kiều Văn Sính

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Bên mời thầu	Công ty cổ phần 397
Kế hoạch	Mua vật tư, phụ tùng khoan phục vụ sản xuất năm 2023
Luật đấu thầu	Luật đấu thầu số 43/2013/QH13
Nghị định 63/CP	Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu

Chương I. YÊU CẦU NỘP BÁO GIÁ

Mục 1. Khái quát

1. Tên bên mời thầu là: Công ty Cổ phần 397

2. Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh rút gọn (nộp báo giá) Gói thầu số 10: Mua vật tư, phụ tùng khoan phục vụ sản xuất năm 2023. Phạm vi công việc, yêu cầu của gói thầu nêu tại Chương II của bản yêu cầu báo giá này.

3. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;

2. Hạch toán tài chính độc lập;

3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

4. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

5. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

6. Đã đăng ký trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

7. Nhà thầu có tư cách hợp lệ đáp ứng đầy đủ các tiêu chí 1,2,3,4,5,6 Mục 2 này được tham dự thầu với tư cách độc lập hoặc liên danh; trường hợp liên danh phải có văn bản thỏa thuận giữa các thành viên, trong đó nêu rõ trách nhiệm của thành viên đứng đầu liên danh và trách nhiệm riêng của từng thành viên trong liên danh.

Mục 3. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà thầu phải nộp đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 02 và Mẫu 02a Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 4. Thành phần báo giá

Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III;
2. Biểu giá theo Mẫu số 02 và Mẫu số 02a Chương III;
3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao);
4. Bản xác nhận đăng ký thông tin trên hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia.

Mục 5. Thời hạn hiệu lực của báo giá

Thời gian có hiệu lực của báo giá là 20 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

Mục 6. Nộp, tiếp nhận, đánh giá báo giá

1. Nhà thầu phải nộp báo giá trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, thư điện tử hoặc fax về địa chỉ: Công ty Cổ phần 397, khu Yên Lãng 1, phường Yên Thọ, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, TEL: 0203.2211.329- FAX: 0203.871.299 không muộn hơn 09 giờ 00 ngày 08/3/2023. Các báo giá được gửi đến bên mời thầu sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét.

2. Bên mời thầu chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong báo giá của từng nhà thầu. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp báo giá, bên mời thầu lập văn bản tiếp nhận các báo giá bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà thầu, giá chào, thời gian có hiệu lực của báo giá và gửi văn bản tiếp nhận này đến các nhà thầu đã nộp báo giá.

Mục 7. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản yêu cầu báo giá;
2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và không vượt dự toán gói thầu được duyệt.

Mục 8. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự chào hàng theo đường bưu điện, fax và được đăng tải trên website của Công ty cổ phần 397 tại địa chỉ <https://congtycophan397.com.vn>

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu có nhà thầu không trúng thầu gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 05 ngày làm việc nhưng trước ngày ký kết hợp đồng, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Mục 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng như sau: giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 2% giá trị hợp đồng, bằng tiền mặt hoặc thư bảo lãnh ngân hàng.

Mục 10. Giải quyết kiến nghị

Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 của Luật đấu thầu và Mục 2 Chương XII của Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA GÓI THẦU

Bảng số 1. Yêu cầu cung cấp vật tư, hàng hóa

Nhà thầu phải cung cấp hàng hóa theo đúng nội dung nêu tại bảng sau trong vòng 285 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

STT	Danh mục vật tư, hàng hóa, đặc tính kỹ thuật	Mã danh điểm	ĐVT	Số lượng	Chất lượng	Ghi chú
1	Màng van giữ bụi	55183288	Cái	08	Mới 100%	
2	Van khóa tải xy lanh tổng dầm	519340	Cái	04	Mới 100%	
3	Phốt xy lanh dao động xích	55180870	Bộ	02	Mới 100%	
4	Phốt xy lanh nâng tổng dầm	55165318	Bộ	02	Mới 100%	
5	Phốt xy lanh lắc ngang tổng dầm	BG00749790	Bộ	02	Mới 100%	
6	Phốt xy lanh hàm kẹp ống khoan	55175372	Bộ	04	Mới 100%	
7	Phốt xy lanh lắc hàm kẹp	55183336	Bộ	02	Mới 100%	
8	Phốt xy lanh tay kẹp	55162756	Bộ	04	Mới 100%	
9	Cảm biến nhiệt độ dầu thủy lực	55080134	Cái	02	Mới 100%	
10	Cảm biến mức dầu thủy lực	55192278	Cái	01	Mới 100%	
11	Cảm biến nhiệt độ máy nén khí	55080134	Cái	02	Mới 100%	
12	Cảm biến mức nước làm mát động cơ	55018882	Cái	01	Mới 100%	
13	Xy lanh đóng mở cửa gió lọc giữ bụi	55183271	Cái	02	Mới 100%	
14	Bộ bảo dưỡng van điều chỉnh áp khí	BG00761747	Bộ	01	Mới 100%	
15	Rơ le nguồn chính	BG00613478	Cái	02	Mới 100%	
16	Rơ le 40A	55077744	Cái	02	Mới 100%	

17	Rơ le 20A	55005191	Cái	02	Mới 100%	
18	Rơ le an toàn KES1	56208577	Cái	01	Mới 100%	
19	Rơ le an toàn KES2	BG00227319	Cái	01	Mới 100%	
20	Lọc tách dầu bình tích khí	502551	Cái	03	Mới 100%	
21	Lọc giữ bụi	55180133	Cái	05	Mới 100%	
22	Lọc gió tinh động cơ	56040822	Cái	05	Mới 100%	
23	Lọc tách nhiên liệu	88523979	Cái	05	Mới 100%	
24	Mô tơ thủy lực đầu xoay	55184642	Cái	01	Mới 100%	
25	Cụm bánh răng hành tinh đầu xoay	55226492	Cụm	01	Mới 100%	
26	Phốt mô tơ đầu xoay	86766699	Bộ	03	Mới 100%	
27	Gioăng tròn	86761499	Cái	04	Mới 100%	
28	Phốt chắn dầu	BG00422769	Cái	04	Mới 100%	
29	Phốt trục	88331309	Cái	02	Mới 100%	
30	Gioăng tròn	508635	Cái	02	Mới 100%	
31	Phốt chắn dầu	509202	Cái	02	Mới 100%	
32	Gioăng tròn	5501521	Cái	02	Mới 100%	
33	Gioăng tròn	86680969	Cái	03	Mới 100%	
34	Gioăng tròn	80244179	Cái	02	Mới 100%	
35	Gioăng tròn	85852589	Cái	02	Mới 100%	
36	Gioăng tròn	55153600	Cái	03	Mới 100%	
37	Phốt chắn dầu	88077909	Cái	02	Mới 100%	
38	Phốt trục	BG00323050	Cái	04	Mới 100%	
39	Phốt trục	55206978	Cái	02	Mới 100%	

40	Phốt trực	55192756	Cái	02	Mới 100%	
41	Phốt chắn bụi	BG00411813	Cái	02	Mới 100%	
42	Phốt trực	BG00497856	Cái	02	Mới 100%	
43	Công tắc bảo lưu lượng dầu bôi trơn búa khoan	55174667	Cái	02	Mới 100%	
44	Gioăng phốt	55202276	Bộ	02	Mới 100%	
45	Gioăng phốt	55174644	Bộ	02	Mới 100%	
46	Vòng bi	BG01203282	Vòng	01	Mới 100%	
47	Gioăng phốt xi lanh	BG01203278	Cái	01	Mới 100%	
48	Lọc gió tinh máy nén khí	56040822	Cái	03	Mới 100%	

*** Yêu cầu khác**

TT	Nội dung	Yêu cầu
1	Thời gian giao hàng	Trong vòng 285 ngày kể từ ngày hợp đồng được ký kết giữa hai bên có hiệu lực. Khi có nhu cầu, Bên mời thầu sẽ gửi tới Nhà thầu thông báo nhận hàng (đơn hàng) cụ thể trước thời điểm nhận hàng 07 (bảy) ngày để Nhà thầu chuẩn bị hàng. Trong trường hợp trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ ngày nhận được đơn hàng của Bên mời thầu mà Nhà thầu không thể giao kịp hàng hóa vì vấn đề vận chuyển, thông quan của hàng hóa nhập khẩu thì Nhà thầu phải có thông báo bằng văn bản cho Bên mời thầu để cùng nhau thống nhất lại thời gian giao hàng của đơn hàng nhưng không được quá 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được thông báo nhận hàng (đơn hàng) của Bên mời thầu.
2	Địa điểm giao hàng	Tại Kho vật tư - Công ty Cổ phần 397
3	Thời gian thanh toán	Thanh toán bằng chuyển khoản trong vòng 45 ngày kể từ giao nhận đủ khối lượng vật tư, phụ tùng của từng đơn hàng với điều kiện Nhà thầu đã cung cấp đầy đủ giấy tờ liên quan bao gồm:

		Hóa đơn GTGT, biên bản giao nhận hàng hóa, CO/CQ đối với hàng hóa nhập khẩu và các giấy tờ cần thiết khác.
4	Năm sản xuất	Ghi rõ năm sản xuất đối với từng mục vật tư, phụ tùng.
5	Chất lượng hàng hóa	Mới 100% đúng quy cách chủng loại.
6	Bảo hành	Hàng hóa được bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. Yêu cầu nhà thầu chào chi tiết từng mục bảo hành cho hàng hóa.
7	Xuất xứ hàng hóa	Nêu rõ hãng sản xuất hoặc nước sản xuất, Có giấy ủy quyền phân phối sản phẩm chính hãng hoặc giấy chứng nhận đại lý cấp 1 của hãng sản xuất hoặc tài liệu khác chứng minh nhà cung cấp là đơn vị đại diện cho Hãng sản xuất cung cấp sản phẩm tại Việt Nam (nếu có)

Các nhà thầu phải đáp ứng được tất cả các yêu cầu nêu trên thì mới được đánh giá là đạt.

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]

Tên kế hoạch: _____ [Ghi tên kế hoạch]

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của bản yêu cầu báo giá.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ ngày _____ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]

Tên kế hoạch: _____ [Ghi tên kế hoạch]

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của bản yêu cầu báo giá.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ ngày _____ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

STT	Nội dung	Giá chào
1	Hàng hoá	(M)
2	Dịch vụ liên quan	(I)
Tổng cộng giá chào <i>(Kết chuyển sang đơn chào hàng)</i>		(M) + (I)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA

STT	Danh mục vật tư, hàng hóa	Mã danh điểm	ĐVT	Số lượng	Nhãn hiệu – Xuất xứ	Năm sản xuất	Đơn giá	Thành tiền	Bảo hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Màng van giữ bụi	55183288	Cái						
2	Van khóa tải xy lanh tổng dầm	519340	Cái						
3	Phốt xy lanh dao động xích	55180870	Bộ						
4	Phốt xy lanh nâng tổng dầm	55165318	Bộ						
5	Phốt xy lanh lắc ngang tổng dầm	BG00749790	Bộ						
6	Phốt xy lanh hàm kẹp ống khoan	55175372	Bộ						
7	Phốt xy lanh lắc hàm kẹp	55183336	Bộ						
8	Phốt xy lanh tay kẹp	55162756	Bộ						
9	Cảm biến nhiệt độ dầu thủy lực	55080134	Cái						
10	Cảm biến mức dầu thủy lực	55192278	Cái						

11	Cảm biến nhiệt độ máy nén khí	55080134	Cái						
12	Cảm biến mức nước làm mát động cơ	55018882	Cái						
13	Xy lanh đóng mở cửa gió lọc giữ bụi	55183271	Cái						
14	Bộ bảo dưỡng van điều chỉnh áp khí	BG00761747	Bộ						
15	Rơ le nguồn chính	BG00613478	Cái						
16	Rơ le 40A	55077744	Cái						
17	Rơ le 20A	55005191	Cái						
18	Rơ le an toàn KES1	56208577	Cái						
19	Rơ le an toàn KES2	BG00227319	Cái						
20	Lọc tách dầu bình tích khí	502551	Cái						
21	Lọc giữ bụi	55180133	Cái						

22	Lọc gió tinh động cơ	56040822	Cái						
23	Lọc tách nhiên liệu	88523979	Cái						
24	Mô tơ thủy lực đầu xoay	55184642	Cái						
25	Cụm bánh răng hành tinh đầu xoay	55226492	Cụm						
26	Phốt mô tơ đầu xoay	86766699	Bộ						
27	Gioăng tròn	86761499	Cái						
28	Phốt chắn dầu	BG00422769	Cái						
29	Phốt trục	88331309	Cái						
30	Gioăng tròn	508635	Cái						
31	Phốt chắn dầu	509202	Cái						
32	Gioăng tròn	5501521	Cái						

33	Gioăng tròn	86680969	Cái						
34	Gioăng tròn	80244179	Cái						
35	Gioăng tròn	85852589	Cái						
36	Gioăng tròn	55153600	Cái						
37	Phốt chắn dầu	88077909	Cái						
38	Phốt trực	BG00323050	Cái						
39	Phốt trực	55206978	Cái						
40	Phốt trực	55192756	Cái						
41	Phốt chắn bụi	BG00411813	Cái						
42	Phốt trực	BG00497856	Cái						
43	Công tắc bảo lưu lượng dầu bôi trơn búa khoan	55174667	Cái						

44	Gioăng phốt	55202276	Bộ						
45	Gioăng phốt	55174644	Bộ						
46	Vòng bi	BG01203282	Vòng						
47	Gioăng phốt xi lanh	BG01203278	Cái						
48	Lọc gió tinh máy nén khí	56040822	Cái						
Tổng cộng giá chào của hàng hóa đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) <i>(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào)</i>									

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- Các cột (5), (6),(7),(8), (9), (10) do nhà thầu chào.
- Đơn giá tại cột (8) bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp hàng hoá theo yêu cầu của bên mời thầu, trong đó bao gồm các phí, lệ phí (nếu có).

Chương IV. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc kế hoạch: _____ [Ghi tên kế hoạch]

- Căn cứ⁽¹⁾ ____ [Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005];

- Căn cứ⁽²⁾ ____ [Luật đấu thầu số 43/2013/QH13];

- Căn cứ⁽²⁾ ____ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP];

- Căn cứ ____ [căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] của ____ [Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu] và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Bên mời thầu (sau đây gọi là Bên A)

Bên mời thầu [Ghi tên bên mời thầu]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường

² Cập nhật văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

hợp được ủy quyền).

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu [*Ghi tên nhà thầu trúng thầu*]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (*trường hợp được ủy quyền*) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng, thời gian, địa điểm giao hàng và chất lượng hàng hóa

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ theo danh mục được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Thời gian giao hàng: Theo yêu cầu của bên mời thầu trong vòng 285 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Khi có nhu cầu, Bên mời thầu sẽ gửi tới Nhà thầu thông báo nhận hàng (đơn hàng) cụ thể trước thời điểm nhận hàng 07 (bảy) ngày để Nhà thầu chuẩn bị hàng. Trong trường hợp trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ ngày nhận được đơn hàng của Bên mời thầu mà Nhà thầu không thể giao kịp hàng hóa vì vấn đề vận chuyển, thông quan của hàng hóa nhập khẩu thì Nhà thầu phải có thông báo bằng văn bản cho Bên mời thầu để cùng nhau thống nhất lại thời gian giao hàng của đơn hàng nhưng không được quá 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được thông báo nhận hàng (đơn hàng) của Bên mời thầu.

Địa điểm giao hàng: Tại kho vật tư - Công ty Cổ phần 397, khu Nam Tràng

Bạch, phường Hoàng Quế, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh

Chất lượng hàng hóa: Hàng mới 100% đúng quy cách chủng loại.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Báo giá và các văn bản làm rõ báo giá của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
5. Bản yêu cầu báo giá và các tài liệu sửa đổi, làm rõ bản yêu cầu báo giá (nếu có);
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Phương thức thanh toán

- 1) Hình thức thanh toán
- 2) Thời hạn thanh toán
- 3) Số lần thanh toán

Điều 4. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định

Điều 5. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng : 285 ngày kể từ ngày hợp đồng ký kết giữa hai bên có hiệu lực.

Điều 6. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

[Ghi các trường hợp mà hợp đồng có thể được điều chỉnh cho phù hợp với tính chất của gói thầu]

2. Trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này, Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

Điều 7. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- Thời gian nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: trong vòng ____ (____) ngày làm việc kể từ ngày hợp đồng được ký kết.

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng

hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam.

Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng : ____ đồng (Bằng chữ : ____) tương đương 2% giá trị hợp đồng.

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng : ____ ngày.

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên A ; Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Điều 8. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của các bên:

1. Quyền và nghĩa vụ của bên A:

a). *Quyền:*

- Yêu cầu bên B cung cấp hàng hóa, dịch vụ đúng số lượng, chất lượng, địa điểm, thời gian đã cam kết trong hợp đồng.

- Khiếu nại về chất lượng hàng hóa, dịch vụ nếu phát hiện chất lượng, nguồn gốc không đảm bảo như tiêu chuẩn thỏa thuận trong Hợp đồng;

- Yêu cầu Bên B cung cấp đầy đủ các chứng từ, hồ sơ liên quan đến hàng hóa;

b). *Nghĩa vụ:*

- Thanh toán đúng thời hạn đã ghi trong Hợp đồng. Trường hợp, thanh toán

chậm hơn thời gian quy định nêu trên, bên A sẽ phải thanh toán cho bên B lãi suất cho số tiền trả chậm theo mức xác định bằng lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam quy định tại thời điểm thanh toán. Tuy nhiên thời gian thanh toán chậm không được quá 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày phát sinh số lãi suất thanh toán chậm;

- Tiếp nhận, kiểm nhập (kiểm tra chất lượng) hàng hóa nhanh chóng, kịp thời.

2. Quyền và nghĩa vụ của bên B:

a). *Quyền:*

Được quyền yêu cầu Bên A thanh toán tiền hàng theo đúng thời hạn và phương thức thanh toán như quy định tại Điều 3 Hợp đồng này;

b). *Nghĩa vụ:*

- Giao hàng đúng số lượng, chất lượng, địa điểm, thời gian thỏa thuận theo hợp đồng. Trường hợp giao hàng chậm so với thời gian quy định nêu trên, bên B sẽ phải chịu phạt chậm giao hàng. Giá trị phạt giao chậm được xác định như sau:

- $Gp\text{tđ} = (T_{th} - T_{hs}) \times GC \times R \times 1,5$

Gp\text{tđ}: Giá trị phạt giao hàng chậm

T\text{th}: Thời gian bên bán hoàn thành việc giao hàng (ngày);

T\text{hs}: Thời gian nhận hàng theo thông báo của bên A (ngày);

GC: Giá trị hàng hóa giao chậm;

R: Lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam tại thời điểm giao hàng chậm.

- Tuy nhiên thời gian giao hàng chậm không được quá 05 (năm) ngày và giá trị phạt giao hàng chậm không vượt quá 8% (tám phần trăm) giá trị hàng hóa giao chậm;

- Giải quyết các khiếu nại về chất lượng hàng hóa, dịch vụ cho bên A nếu bên A phát hiện chất lượng, nguồn gốc không đảm bảo như tiêu chuẩn thỏa thuận trong Hợp đồng;

- Cung cấp đầy đủ các chứng từ, hồ sơ liên quan đến hàng hóa cho bên A.

Điều 10. Tính hợp lệ của hàng hóa

Bên B phải nêu rõ xuất xứ của hàng hóa; ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa và phải tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.

Điều 11. Cung cấp, vận chuyển, kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa

1. Bên B phải cung cấp hàng hóa và giao các tài liệu, chứng từ (kèm theo) theo tiến độ nêu trong hồ sơ yêu cầu, cụ thể là: Đối với các hàng hóa có nguồn gốc nước

ngoài, nhà thầu phải cung cấp 01 bản chính Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá hoặc cung cấp bản sao y có công chứng, bản sao vận đơn thể hiện tên hàng theo hợp đồng. Các tài liệu kỹ thuật và thương mại phù hợp theo qui định của hợp đồng đã được Bên A chấp thuận.

2. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa: Hàng hóa được giao tại kho bên A, địa chỉ : Kho vật tư - Công ty CP 397, khu Mỏ Nam Tràng Bạch, phường Hoàng Quế, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Bên B chịu trách nhiệm bốc hàng từ phương tiện vận chuyển của mình xuống kho của Bên A, với địa điểm do bên A chỉ định. Bản chính của hóa đơn hợp lệ được giao cho Bên A khi giao hàng.

3. Bên A hoặc đại diện của Bên A có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Thời gian, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm: Thời gian, địa điểm, cách thức tiến hành, chi phí cho việc kiểm tra, thử nghiệm theo yêu cầu bên A.

Điều 12. Quyền sở hữu trí tuệ và bảo hiểm hàng hóa

1. Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa mà Bên B đã cung cấp cho Bên A.

2. Hàng hóa do Bên B cung cấp phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình vận chuyển, lưu kho và giao hàng như sau: Những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình sản xuất, vận chuyển, lưu kho của bên B và giao hàng do Bên B chịu.

Điều 13. Bảo hành

1. Bên B bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng là mới, chưa sử dụng, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn chế tạo và sẽ không có các khuyết tật nảy sinh dẫn đến bất lợi trong quá trình sử dụng hàng hóa.

2. Yêu cầu về bảo hành đối với hàng hóa như sau: Hàng hóa được bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất và được bảo hành cụ thể theo thời gian hoặc số giờ hoạt động của vật tư, phụ tùng.

Điều 14. Bất khả kháng

Bên B không có trách nhiệm khi không thể cung cấp hàng vì những lý do như dịch bệnh, bạo động, nội chiến, chiến tranh có tuyên chiến hay không, tai nạn, rút ngắn giờ lao động, đình công, đóng cửa nhà máy, cơ sở sản xuất bị sự cố, bên thứ ba không cung cấp nguyên liệu hoặc hàng hóa, bão lụt, hỏa hoạn hoặc bất cứ hoàn cảnh nào khác, dù nằm trong các trường hợp trên hay không, xong ngoài khả năng kiểm soát của Bên B. Tuy nhiên, Bên B sẽ không được miễn trách nhiệm thực hiện công tác bảo hành hoặc cung cấp hàng, cũng như Bên A không thể không chấp nhận

cho Bên B thực hiện các công việc này khi những lý do ngăn cản việc thực hiện việc cung cấp hàng phải đình lại.

Điều 15. Điều khoản chung.

1. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều kiện, điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này. Không được đơn phương thay đổi hoặc hủy bỏ hợp đồng. Mọi sửa đổi, bổ sung hợp đồng phải được hai bên thống nhất và lập thành phụ lục hợp đồng. Phụ lục hợp đồng là một phần không tách rời của hợp đồng.

2. Trường hợp quá trình thực hiện nếu có khó khăn trở ngại phát sinh, hai bên phải thông báo cho nhau bằng văn bản để cùng nhau tìm biện pháp giải quyết trên cơ sở đảm bảo lợi ích chung.

3. Trường hợp các bên không tự thương lượng, hòa giải được thì sự việc tranh chấp sẽ được trình lên Trung tâm trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC)- Trụ sở tại Hà Nội (Tòa nhà VCCI số 9 Đào Duy Anh, Quận Đống Đa, Hà Nội) để giải quyết. Phán quyết của VIAC là quyết định cuối cùng buộc các bên phải tuân theo. Bên có lỗi chịu mọi chi phí.

Điều 16. Hiệu lực hợp đồng.

1. Hợp đồng có hiệu lực ngay sau khi Bên A nhận được bảo đảm thực hiện hợp đồng.

2. Sau 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày các bên hoàn thành hết nghĩa vụ hợp đồng với nhau thì hợp đồng này tự động thanh lý.

Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 (hai) bản để làm cơ sở thực hiện./.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
NHÀ THẦU**

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng
dấu]*

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
BÊN MỜI THẦU**

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng
dấu]*

MẪU BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [Ghi tên bên mời thầu]

(sau đây gọi là bên mời thầu)

Theo đề nghị của ____ [Ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hoá cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);⁽²⁾

Theo quy định trong bản yêu cầu báo giá (hoặc hợp đồng), nhà thầu phải nộp cho bên mời thầu bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [Ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại ____ [Ghi địa chỉ của ngân hàng⁽³⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là ____ [Ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại hợp đồng]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho bên mời thầu bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn ____ [Ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của bên mời thầu thông báo nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁴⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì bên mời thầu sẽ báo cáo chủ đầu tư/bên mời thầu xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của ____ [Ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu trúng thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số ____ [Ghi số hợp đồng] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại hợp đồng.